

Số: 765 /NMĐTB2-KTATMT

Thái Bình, ngày 21 tháng 04 năm 2025

V/v cung cấp báo giá dịch vụ thông tắc đường
xả từ Hopper drain APH về hồ thu Boiler

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (Nhà máy) đang có nhu cầu thuê dịch vụ thông tắc đường xả từ Hopper drain APH về hồ thu Boiler chemical sump. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa tương tự, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho dịch vụ và hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc thuê dịch vụ như phụ lục đính kèm;
- Thời gian hoàn thành dịch vụ trong Quý II/2025;
- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá;
- Thời gian gửi báo giá không muộn hơn 15h00' ngày 08/05/2025.

Đề nghị Nhà cung cấp gửi báo giá (file scan, có ký tên, đóng dấu đỏ của Công ty) qua thư điện tử theo các địa chỉ: linhnv1@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐNM (để b/c);
- Phòng: TM (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (N.V.L1: 1 b).

Đính kèm:

- Phụ lục: Thuê dịch vụ thông tắc đường xả.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chung



**Phụ lục: Phạm vi công việc thuê dịch vụ thông tắc đường xả từ
Hopper drain APH về hồ thu Boiler**

(Đính kèm Công văn số 765 /NMĐTB2-KTATMT ngày 21 tháng 04 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Thời gian hoàn thành cung cấp dịch vụ	Ghi chú
1	Thông tắc đường xả từ hopper drain APH về boiler chemical sump tổ máy 1: - Khảo sát hiện trường; - Chuẩn bị công cụ dụng cụ; - Lắp đặt các thiết bị chuyên dụng phù hợp;	m	78	Hoàn thành trong quý II/2025	Kích thước Φ219 mm (Chi tiết như bản vẽ đính kèm)
	- Thông tắc đường ống xả từ hopper drain APH A và B về boiler chemical sump; - Vệ sinh sạch sẽ khu vực thi công; - Thu dọn hiện trường, nghiệm thu.	m	4,5		Kích thước Φ159 mm (Chi tiết như bản vẽ đính kèm)
2	Thông tắc đường xả từ hopper drain Aph về boiler chemical sump tổ máy 2: - Khảo sát hiện trường; - Chuẩn bị công cụ dụng cụ; - Lắp đặt các thiết bị chuyên dụng phù hợp;	m	94	Hoàn thành trong quý II/2025	Kích thước Φ219 mm (Chi tiết như bản vẽ đính kèm)
	- Thông tắc đường ống xả từ	m	1,5		Kích thước



	hopper drain APH A và B về boiler chemical sump; - Vận chuyển rác thải ra khu vực quy định; - Vệ sinh sạch sẽ khu vực thi công; - Thu dọn hiện trường, nghiệm thu.				Φ159 mm <i>(Chi tiết như bản vẽ đính kèm)</i>
--	---	--	--	--	---



Document Review Comment Sheet						
Daelim's Ref. No : TB2-DIC-BWBC-T-1489						
No.	Document No.	Rev	Title	Purpose	Approval Status	
					In	Out
1	TB2-SDC.VP101-01GBK-M-M1A-ISO-5101	E	Boiler Unit-1 Underground Piping For FD & PA Duct and APH Water Discharge Drains	RE		C
2	TB2-SDC.VP101-01GBK-M-M1A-ISO-5102	E	Boiler Unit-1 Underground Piping for Service Water Drain from Intermittent Blowdown Flash Tank	RE		C
3	TB2-SDC.VP101-02GBK-M-M1A-ISO-5101	E	Boiler Unit-2 Underground Piping For FD & PA Duct and APH Water Discharge Drains	RE		C
4	TB2-SDC.VP101-02GBK-M-M1A-ISO-5102	E	Boiler Unit-2 Underground Piping for Service Water Drain from Intermittent Blowdown Flash Tank	RE		C
No	Daelim's Comments	Item status	Contractor's Response			
1	TB2-SDC.VP101-01GBK-M-M1A-ISO-5101					
1.1	This slope is enough to make the gravity flow?	E	Noted and revised.The slope has changed to 0.005 which is enough to make the gravity flow.			

Legend

Contractor Purpose:

A = For Approval
 RE = For Reference
 FC = For Construction
 AB = As Built
 INFO = For Information

TB2PEB Approval Status:

For AP:

A = Approved
 B = Approved with Comments
 C = Returned for Correction
 D = Rejected

For RE:

I=Accepted for Reference
 IB=Accepted for Reference with comment
 R= Returned for Correction



Document Review Comment Sheet

PEB Ref. No : TB2-PEB-SDC-M1A-TVI-06813

No.	Document No.	Rev	Title	Purpose	Review Status	
					In	Out
1	TB2-SDC.VP101-01GBK-M-M1A-ISO-5101	E	BOILER UNIT 1-UNDERGROUND PIPING FOR FD & PA DUCT AND APH WATER DISCHARGE DRAINS	RE	-	IB
2	TB2-SDC.VP101-01GBK-M-M1A-ISO-5102	E	BOILER UNIT 1-UNDERGROUND PIPING FOR SERVICE WATER DRAIN FROM INTERMITTENT BLOWDOWN FLASH TANK	RE	-	IB
3	TB2-SDC.VP101-02GBK-M-M1A-ISO-5101	E	BOILER UNIT 2-UNDERGROUND PIPING FOR FD & PA DUCT AND APH WATER DISCHARGE DRAINS	RE	-	IB
4	TB2-SDC.VP101-02GBK-M-M1A-ISO-5102	E	BOILER UNIT 2-UNDERGROUND PIPING FOR SERVICE WATER DRAIN FROM INTERMITTENT BLOWDOWN FLASH TANK	RE	-	IB
No.	TB2PEB's Comments	Item status	Contractor's Response			
I	General comments					
1	No comment. Refer to the Owner's comment.		Noted.			
No.	Owner/PMC's Comments	Item status	Contractor's Response			
I	General comments					
1	The painting surface of these piping shall be followed the technical requirement which identified in the Annex 7 Coating and Plant protection of EPC contract.		In the drawing, we have added the painting surface which identified in the annex 7 coating and plant protection of EPC contract.			

* Legend

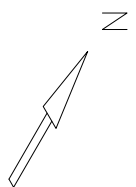
Contractor Purpose:

AP - For Approval
 RE - For Reference
 FC - For Construction
 AB - As Built
 INFO - For Information

Approval Status:

A - Approved
 B - Approved with Comments
 C - Returned for Correction
 D - Rejected
 I - Accepted for Reference / IB - Accepted for Reference with Comments / R - Returned for Correction



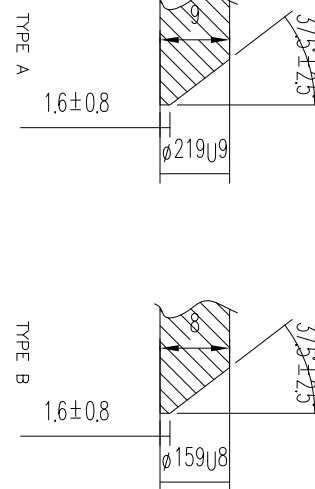
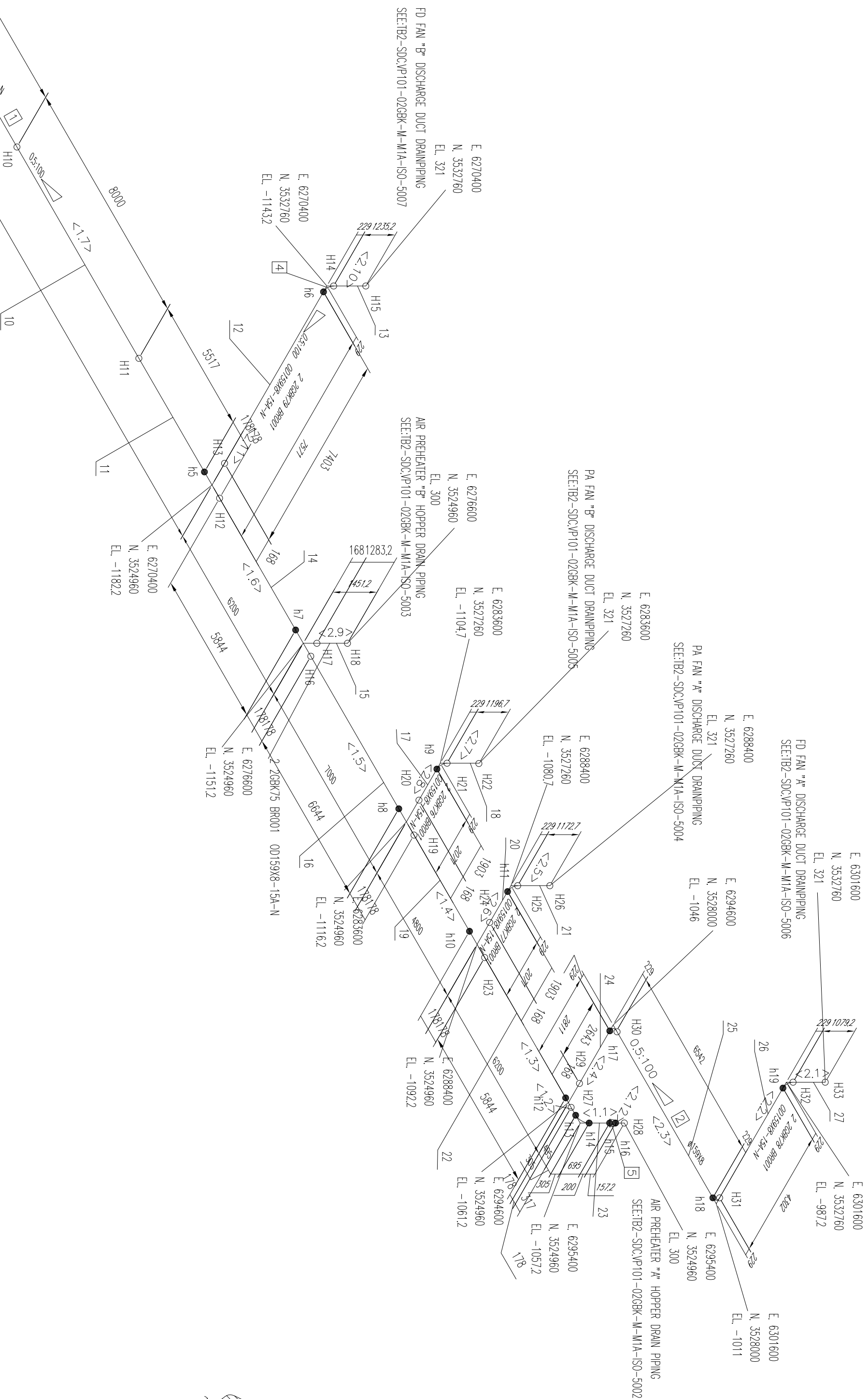


THE WELD MEASURING MARK IS AS FOLLOWING:

● MANUFACTORY WELDED ○ SITE WELDED X ASSEMBLY NO

H-1 MANUFACTORY WELDED NO. H-1 SITE WELDED NO.

ITEM	NAME	PART NO.	SPECIFICATION	MATERIAL	REMARK
1	Assembly	120BK01-P1	ø219x9	A106B	
2	Pipe	120BK01-P2	ø219x9	A106B	
3	Pipe	120BK01-P3	ø219x9	A106B	
4	Assembly	120BK01-P4	ø219x9	A106B	
5	Pipe	120BK01-P5	ø219x9	A106B	
6	Pipe	120BK01-P6	ø219x9	A106B	
7	Assembly	120BK01-P7	ø219x9	A106B	
8	Pipe	120BK01-P8	ø219x9	A106B	
9	Pipe	120BK01-P9	ø219x9	A106B	
10	Pipe	120BK01-P10	ø219x9	A106B	
11	Assembly	120BK01-P11	ø219x9	A106B	
12	Assembly	120BK01-P12	ø159x8	A106B	
13	Pipe	120BK01-P13	ø159x8	A106B	
14	Assembly	120BK01-P14	ø219x9	A106B	
15	Pipe	120BK01-P15	ø159x8	A106B	
16	Assembly	120BK01-P16	ø219x9	A106B	
17	Assembly	120BK01-P17	ø159x8	A106B	
18	Pipe	120BK01-P18	ø159x8	A106B	
19	Assembly	120BK01-P19	ø219x9	A106B	
20	Assembly	120BK01-P20	ø159x8	A106B	
21	Pipe	120BK01-P21	ø159x8	A106B	
22	Assembly	120BK01-P22	ø219x9	A106B	
23	Assembly	120BK01-P23	ø219x9	A106B	
24	Assembly	120BK01-P24	ø159x8	A106B	
25	Assembly	120BK01-P25	ø159x8	A106B	
26	Assembly	120BK01-P26	ø159x8	A106B	
27	Pipe	120BK01-P27	ø159x8	A106B	



TEST MEDIUM		H	
STEAM TRACE		NA	
ELECTRIC TRACE		NA	
LINE FINISHING		INSUL. CODE NA	PAINT CODE PPHNC-UNDERGROUND
RT/PT		0 %	FWHT NA

Job No.	110180
A - APPROVED	
B - APPROVED WITH COMMENTS	
C - RETURNED FOR CORRECTION	
D - REFLECTED	
N - NOT APPLICABLE (REFERENCE ONLY)	
SIGNED BY : DATE :	

DGS PERMISSION TO PROCEED OR REVIEW TAKEN ON VENDOR PRINTS SHALL NOT RELIEVE VENDOR FROM ITS RESPONSIBILITIES OR LIABILITIES UNDER THE PURCHASE ORDER.

DOCUMENT REVISION STATUS: IF

NOTE:

△	08 Mar 2015	FOR FINAL	FOR WORKING DWG ON	NA ATNG
△	02 Apr 2015	FOR FINAL	FOR WORKING DWG ON	NA ATNG
△	25 Mar 2014	FOR REFERENCE	FOR WORKING DWG ON	NA ATNG
△	05 Sep 2014	FOR REFERENCE	FOR WORKING DWG ON	NA ATNG
△	14 Mar 2014	FOR REFERENCE	FOR WORKING DWG ON	NA ATNG
REV	DATE	DESCRIPTION	OPEN	CHECK
OWNER				REDO

**FICHTNER**
GmbH & Co. KG

**P7**
GmbH AG

**WorleParsons**
ENGINEERS

**PDA**
ENGINEERING

**Solitz**
SOLITZ CORPORATION

**DAELIM**
DAELIM ENGINEERING CO., LTD.

**GEC**
GENERAL ELECTRIC

**广东省电力设计研究院**
GUANGDONG ELECTRIC DESIGN RESEARCH INSTITUTE

PROJECT TITLE	THAI BNH2 THERMAL POWER PLANT 2 x 600MW
PROJECT UNIT	Boiler Unit-2 Underground Piping For FD & PA Duct and AWH Water Discharge Drains
BR/SUPPLIER	BR: SIG-SUPPLIER SUPPLIER:  SIG
OWNER	THAI BNH2 THERMAL POWER PLANT 2 x 600MW
DESIGN NO.	110180

MATERIAL LIST 1					
NO.	NAME AND SPECIFICATION MATL	QTY.	WEIGHT(KG)	REMARKS	
PIPE					
1	SEAMLESS PIPE 4210X9 A106B	93120MM	4340.32		
2	SEAMLESS PIPE 4159X8 A106B	31540MM	939.46		
ACCESSORIES / IN-LINE ITEMS					
3	90°HPT FORWED ELBOW DN200 R=205 A234WPB	4	68.4		
4	90°HPT FORWED ELBOW DN150 R=152 A234WPB	6	57.02		
5	CONCENTRIC REDUCER DN200X150 A234WPB	1	7.31		
ANTI-CORROSION COATING					
1	MODIFIED ABRASION RESISTANT EPOXY(Aromatic 87)				
CUT PIPE LENGTH					
PIECE NO.	CUT LENGTH (MM)	REMARKS	PIECE NO.	CUT LENGTH (MM)	REMARKS
<1>	695	200	<21>	1079.2	150
<12>	495	200	<22>	430.2	150
<13>	6200	200	<23>	654.2	150
<14>	4800	200	<24>	2811	150
<15>	7000	200	<25>	1172.7	150
<16>	6200	200	<26>	2071	150
<17>	29695	200	<27>	1196.7	150
<18>	17860	200	<28>	2071	150
<19>	18840	200	<29>	1451.2	150
<20>	1045	200	<30>	1255.2	150
<21>			<31>	7571	150
<22>			<32>	157.2	150

DESCRIPTIONS:

1. ORIGINAL POINT: THE INTERSECTION OF THE S1° COLUMN AND THE AXIS OF ROW SA AT THE ELEVATION OF EL.000MM
2. POSITIVE DIRECTION OF X AXIS: FROM S1° COLUMN TO S18°
3. POSITIVE DIRECTION OF Y AXIS: FROM BOILER TO TURBINE
4. POSITIVE DIRECTION OF Z AXIS: VERTICALLY UPWARD
5. DESIGNED TEMPERATURE: 50 °C; DESIGNED PRESSURE: 1 bar(0.1 MPa)
6. EL+000BASED ON FINISHED GRADE ELEVATION=EL+4.5M
7. ALL DIMENSIONS ARE IN MILLIMETER UNLESS NOTED

PE (FITTING) AND COMPONENT W/ SUPPORT & HANGER W/ PIPE SECTION NO. GRADIENT

